TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **29**/2024/HNGĐ - ST Ngày 15 - 8 -2024 V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Sỹ Nghiêm

2. Ông Thiệu Khắc Yên

- Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Phương Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Hữu Bạo - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 75/2024/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/8/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1997 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T1, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Bá N, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T1, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 04/4/2024, bản tự khai ngày 19/4/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Bá N xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự N, có thời gian tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện C, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 18 tháng 6 năm 2021. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 01 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do: Vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, không hòa hợp về tính cách. Anh N thường xuyên xúc phạm đến chị và gia đình chị. Ngoài ra, có lần anh N còn đánh chị. Dẫn đến tình cảm vợ chồng

không còn. Chị đã đem con về nhà ngoại ở từ tháng 4/2024. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên chị xin được ly hôn với anh N.

- Về con chung: Chị và anh N có 01 con chung là Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 17/4/2022 đang ở với chị. Hiện nay chị làm công nhân may tại Công ty TNHH Dream F Thanh Hóa; địa chỉ thôn 12, xã Minh Khôi, huyện Nông Cống, có thu nhập trung bình từ 6.000.000đ đến 8.000.000đ. Do con đang còn nhỏ, là con gái nên cần sự chăm sóc tỉ mỉ của người mẹ. Chị cam đoan có đủ điều kiện nuôi con nên chị có N vọng xin được nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 19/4/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Bá N trình bày:* Về thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn anh thống nhất với ý kiến trình bày của chị T. Sau khi cưới vợ chồng chung sống đến tháng 01 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách của 2 vợ chồng không hợp. Trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Thời gian gần đây chị T có nhắn tin cho bạn trai dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Nay chị T xin ly hôn anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 17/4/2022 đang ở với chị T. Hiện nay anh làm nghề tự do nên có nhiều thời gian để chăm sóc con, thu nhập trung bình mỗi tháng là 7.000.000đ. Về phía chị T đi làm công ty nên không có thời gian để chăm con. Anh vẫn biết con đang còn nhỏ nhưng anh vẫn xin được nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa:*

- Chị Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Bá N. Về con chung: Chị làm công nhân có thu nhập ổn định, có điều kiện để thuê người trông con khi chị đi làm. Cháu Lan A vẫn khỏe mạnh và phát triển bình thường nên N vọng của chị xin được nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Anh N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với chị T. Về con chung: Anh N cũng có N vọng xin được nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con; về tài sản và nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán

được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

+ Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của BLTTDS.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

+ Chị T và anh N kết hôn với nhau trên cơ sở tự N và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện C, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 18/6/2021, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho chị T được ly hôn anh N.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 17/4/2022 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

+ Về tài sản chung: Chị T và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Nguyễn Bá N có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã T1, huyện C, tỉnh Thanh Hóa nên chị Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nông Cống giải quyết về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 BLTTDS.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Bá N dựa trên cơ sở tự N, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá về thực trạng quan hệ vợ chồng: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng hợp nhau về tích cách, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung nên xảy ra cải vã và xô xát nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 4 năm 2024 đến nay. Tại phiên tòa chị T và anh N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về đoàn tụ nên anh chị thống nhất ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã

trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn anh N.

[2.2]. Về con chung: Chị T và anh N có 01 con chung là Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 17/4/2022 đang ở với chị T. Khi ly hôn chị T và anh N đều có N vọng xin được nuôi con. Xét thấy N vọng xin được nuôi con của chị T và anh N là chính đáng. Tuy nhiên, việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, đảm bảo điều kiện tốt nhất cho con phát triển. Theo kết quả xác minh tại chính quyền địa phương: Hiện nay chị T và anh N mỗi người đều đang ở nhờ nhà của bố mẹ đẻ và không sống chung với bố mẹ đẻ. Nghề nghiệp của chị T là công nhân, có thu nhập trung bình mỗi tháng trên 7.000.000đ còn anh N là thợ xây nhưng không có tài liệu chứng minh được thu nhập của mình. Cháu Nguyễn Thị Lan A là con gái và còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nên cần sự chăm sóc tỉ mỉ của người mẹ. Theo khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con". Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy chị T có đủ điều kiện nuôi con, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con và phù hợp với quy định của pháp luật, căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Nguyễn Thị Lan A cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Về vấn đề cấp dưỡng, chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản và nợ chung: Chị T và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Bá N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 17/4/2022 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Bá N có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số 0002998 ngày 09/4/2024. Chấp nhận chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt chị T và anh N. Chị T và anh N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự N thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS H. Nông Cống;
- UBND xã T1;
- Lưu hs, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trịnh Thị Hà